



HỘI THẢO TẬP HUẤN

**QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EVFTA
VÀ HIỆP ĐỊNH LIÊN MINH KINH TẾ Á-ÂU CHO CÁC DN NGÀNH DA GIÀY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2017



QUY TRÌNH KIỂM TRA XUẤT XỨ

Cục giám sát quản lý
Tổng cục Hải quan
2017

NỘI DUNG CHÍNH

- Quy định pháp luật
- Xác định trước xuất xứ hàng hóa
- Quy trình kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu
- Quy trình kiểm tra xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

Văn bản pháp luật về xuất xứ

1. Luật Dân sự
2. Luật Thương mại
3. Luật Hải quan
4. Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 25/01/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.
5. Nghị định 19/2005/NĐ-CP ngày 20/2/2006 của Chính phủ về xuất xứ hàng hóa.
6. Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 hướng dẫn về thủ tục HQ, kiểm tra GS HQ; thuế XNK và QL thuế đ/v hàng hoá XNK.

Các Hiệp định/ Thoả thuận đã ký kết

- ▶ Hiệp định đa phương.
- ▶ Hiệp định, thỏa thuận song phương.

Văn bản pháp luật thực hiện ATIGA

Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 về Quy chế xuất xứ ASEAN (C/O mẫu D).

Nghị định 129/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016-2018.

Văn bản thực hiện ASEAN-Trung Quốc (ACFTA)

Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ Công Thương.

Nghị định 128/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016-2018.

Văn bản thực hiện ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA)

Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc, Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015 sửa đổi, bổ sung.

Nghị định 130/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 Ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2016-2018.

Văn bản thực hiện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP)

Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ngày 8/12/2008 của Bộ Công Thương về Quy chế xuất xứ trong Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản.

Nghị định 133/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản giai đoạn 2016-2019.

Văn bản thực hiện ASEAN-Australia- New Zealand (AANZFTA)

Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 về quy định xuất xứ AANZFTA.

Nghị định 127/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Úc-Niu Di lân giai đoạn 2016-2018.

Văn bản thực hiện ASEAN-Ấn Độ (AIFTA)

Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/04/2010 về quy chế xuất xứ AIFTA.

Nghị định 126/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ giai đoạn 2016-2018.

Các văn bản thực hiện Việt Nam-Nhật Bản (VJFTA)

Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18/05/2009 của Bộ CT về Quy chế xuất xứ để thực hiện Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật.

Nghị định 125/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế ưu đãi đặc biệt Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2016-2019.

Các văn bản thực hiện FTA Việt Nam-Chi Lê

Thông tư 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê.

Nghị định 132/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa Việt Nam – Chi Lê giai đoạn 2014-2016.

Các văn bản thực hiện Việt Nam-Hàn Quốc

Thông tư 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, Thông tư số 48/2015/TT-BCT sửa đổi, bổ sung.

Nghị định 131/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa Việt Nam-Hàn Quốc giai đoạn 2014-2016.

Các văn bản thực hiện VN-Liên minh Á Âu

Thông tư 21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu.

Nghị định 137/2016/NĐ-CP ngày 29/9/2016 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa Việt Nam-Liên minh Á Âu giai đoạn 2014-2016.

QUY TRÌNH KIỂM TRA XUẤT XỨ

Xác định trước xuất xứ

Căn cứ pháp lý

Hồ sơ

Quy trình

Hủy bỏ/chấm dứt hiệu lực

Căn cứ pháp lý

Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO
(WTO TF)

Hiệp định thương mại tự do

Luật Hải quan

Nghị định 08/2015/NĐ-CP

Thông tư 38/2015/TT-BTC

Hồ sơ xác định trước

- Đơn đề nghị;
- Bảng kê nguyên liệu;
- Bản mô tả quy trình sản xuất hoặc giấy chứng nhận phân tích thành phẩm của nhà sản xuất;
- Catalogue hay hình ảnh hàng hóa.

Quy trình xác định trước xuất xứ

- Tiếp nhận hồ sơ
- Xử lý hồ sơ
- Ban hành văn bản thông báo kết quả XĐTXX:
 - Trường hợp thông thường: 30 ngày
 - Trường hợp phức tạp: 60 ngày

Quy trình xác định trước xuất xứ

- Cập nhật trên website
- Giải quyết vướng mắc
- rà soát việc áp dụng và hiệu lực của Thông báo trước
XX

Hủy bỏ/ chấm dứt hiệu lực Thông báo

- Hồ sơ không chính xác, không trung thực
- Căn cứ pháp lý thay đổi

Kiểm tra xác định xuất xứ hàng nhập khẩu

- Các trường hợp không phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ (CTCNXX)
- Các trường hợp phải nộp CTNXX

Trường hợp không phải nộp CTCNXX

- Hàng hóa có trị giá tính thuế thấp (US\$200)
- Hàng hóa không thuộc quy định tại Nghị định số 19/2006/ NĐ-CP.

Trường hợp phải nộp CTCNXX

- Hàng hóa áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hóa thuộc diện quản lý nhập khẩu.
- Hàng hóa thuộc diện do Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát.
- Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ giá, các biện pháp tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan, biện pháp hạn chế số lượng.

Thời điểm nộp CTCNXX

- C/O mẫu EAV
- C/O mẫu VK
- C/O mẫu khác
- CTCNXX khác.

C/O mẫu EAV

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan để kiểm tra hồ sơ.
- Ngoài thời hạn nêu trên: quy định tại khoản 2, Điều 20, Phụ lục 1, Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016.

C/O mẫu VK, KV

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.
- Trường hợp không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai hải quan và nộp C/O trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

C/O mẫu khác

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.
- Trường hợp không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai hải quan và nộp C/O trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

CTCNXX khác

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.

Điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt

- Thuộc biểu thuế ưu đãi đặc biệt
- Nhập khẩu từ nước thành viên
- Vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu
- Đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ.

Vận tải trực tiếp

- Trực tiếp từ nước xuất khẩu thành viên đến nước nhập khẩu thành viên.
- Quá cảnh qua nước trung gian (thành viên hoặc không thành viên).
 - Lý do địa lí hoặc do các yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải.
 - Hàng hoá không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước quá cảnh đó.
 - Hàng hoá không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác ngoài việc dỡ hàng và bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để giữ hàng hoá trong điều kiện tốt.

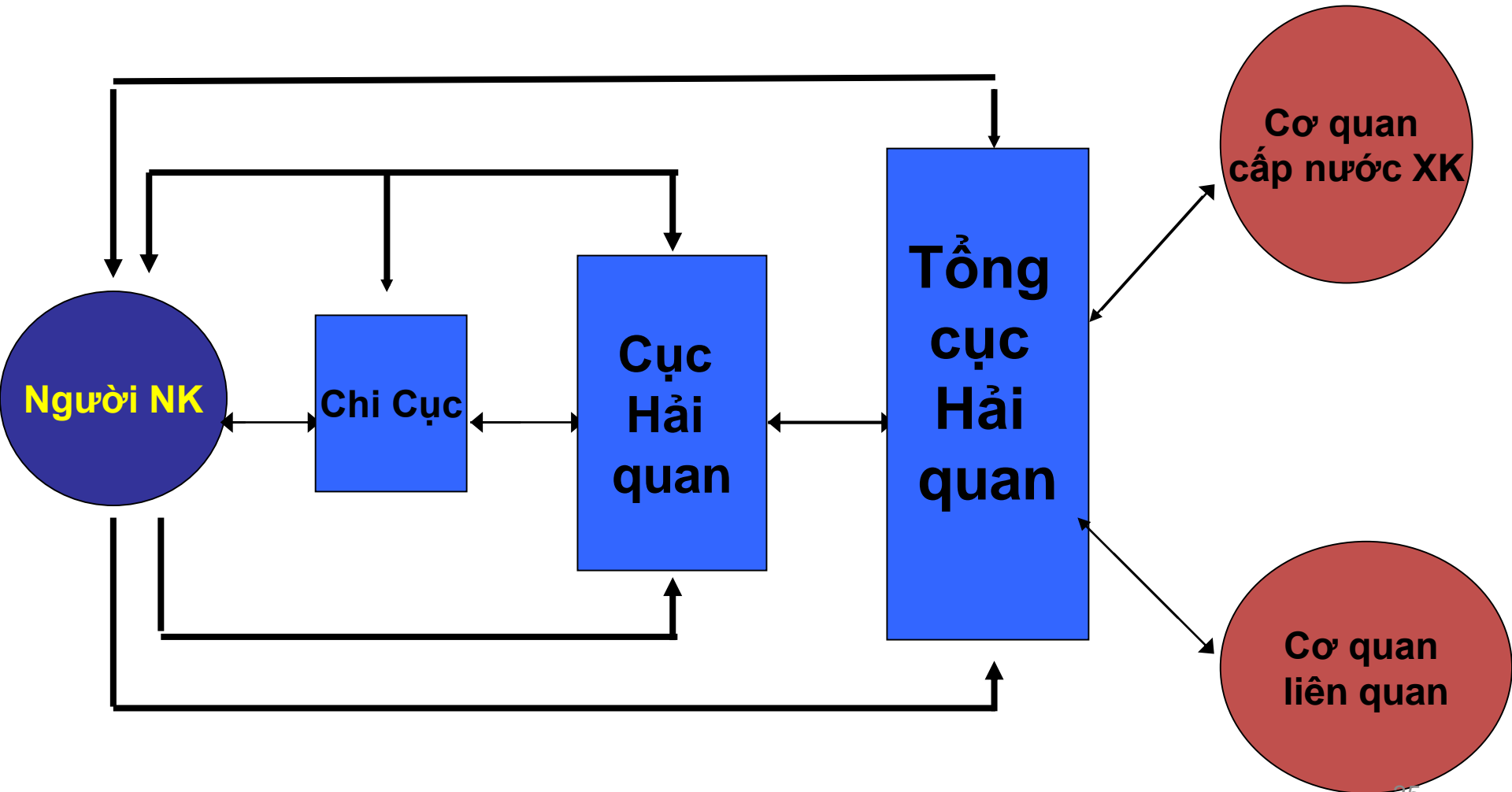
Chứng từ chứng minh vận chuyển trực tiếp

- Chứng từ do cơ quan hải quan nước quá cảnh xác nhận;
- Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức phát hành vận đơn cho lô hàng xuất nhập khẩu;
- Hàng hóa được vận chuyển nguyên container, số container, số chì không thay đổi: số container, số chì không thay đổi giữa vận đơn và lệnh giao hàng của hãng tàu, trong đó thể hiện.

Nghi vấn về xuất xứ

- Đề nghị doanh nghiệp giải trình, cung cấp chứng từ liên quan
- Người khai hải quan giải trình/cung cấp chứng từ phù hợp: xem xét chấp nhận khai báo xuất xứ và chứng từ chứng nhận xuất xứ
- Người khai hải quan không giải trình/chứng từ không phù hợp:
 - Chưa đủ căn cứ từ chối cho hưởng ưu đãi: xác minh CTCNXX
 - Đủ căn cứ từ chối cho hưởng ưu đãi: từ chối CTCNXX.

Quy trình xác minh C/O



Từ chối C/O bản giấy

- Ghi rõ lý do từ chối và ký tên, đóng dấu công chức
- Gửi trả lại bản gốc C/O
- Gửi thông báo về việc từ chối C/O về việc từ chối C/O tới người khai hải quan
- Hướng dẫn người khai hải quan liên hệ với người xuất khẩu để yêu cầu cơ quan cấp C/O xử lý theo quy định.

Từ chối C/O được truyền dưới dạng điện tử

- Từ chối thông qua Hệ thống
- Thông báo bằng văn bản

Kiểm tra xác định xuất xứ hàng xuất khẩu

- Người khai hải quan tự khai, chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất xứ hàng hoá xuất khẩu
- Xuất xứ hàng hoá xuất khẩu được xác định dựa trên nội dung khai của người khai hải quan, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa.

Kiểm tra xác định xuất xứ hàng xuất khẩu

- Chấp nhận khai báo của người khai HQ
- Kiểm tra hồ sơ
- Kiểm tra thực tế
- Kiểm tra tại cơ sở sản xuất
- Xử lý kết quả kiểm tra.

Không có nghi vấn về khai báo

- Tiến hành thủ tục thông quan
- Kiểm tra thực tế

Nghi vấn về khai báo

- Yêu cầu doanh nghiệp giải trình
- Nội dung giải trình/chứng từ chứng minh phù hợp
 - Chấp nhận khai báo
 - Tiến hành thủ tục hải quan theo quy định
- Không giải trình/chứng từ chứng minh không phù hợp
 - Kiểm tra thực tế
 - Kiểm tra tại cơ sở sản xuất

Nội dung giải trình/ chứng từ chứng minh phù hợp

- Tiến hành thủ tục thông quan

Nội dung giải trình/ chứng từ chứng minh không phù hợp

- Kiểm tra tại cơ sở sản xuất
 - Nội dung kiểm tra: hóa đơn thương mại, tờ khai nhập khẩu nguyên liệu (nếu có), quy trình sản xuất, năng lực sản xuất
 - Xử lý kết quả kiểm tra
 - + Không có gian lận
 - + Đủ căn cứ xác định hàng hóa gian lận xuất xứ



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

Nhóm Xuất xứ-SHTT, Cục GSQL-TCHQ

Tel: 04 44520606 extend 8802, 8805 & 8812,
8806, 8815, 8805 & 8809(SHTT).

E-mail: co@customs.gov.vn



XIN CẢM ƠN

Liên hệ:

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo sẽ được đăng trên trang Web này)